

Bản án số:32/2020/HS-ST
Ngày 20-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đăng Bảy và ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019, đối với:

- Các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc H, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, sinh năm: 1993, nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm rẫy, Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Đỗ Minh T và bà Phạm Thị T. Bị cáo có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Bị cáo có vợ họ tên là Phan Thị Xuân M. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2019. Tiền án: Có hai tiền án: Ngày 18/7/2012, bị TAND huyện Bù Đăng xử phạt 7 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 14/8/2012 bị TAND huyện B xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp 02 bản án là 8 năm tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2018, án phí nộp ngày 19/3/2013. Ngày 30/7/2019, bị TAND huyện Bù Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2019. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Tổng Lê Chân. Tiền sự: Không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Xuân C, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, sinh năm: 1991, nơi sinh: tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy, Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Đỗ Xuân L và bà Hoàng Thị P. Bị cáo có 05 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1979, bị cáo là thứ 5 trong gia đình; Tiền án: Ngày 05/6/2009 bị Tòa án nhân

dân huyện B xử phạt 11 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2011, án phí nộp ngày 10/8/2009. Ngày 30/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 6 năm tù về Cướp giật tài sản (đã áp dụng tái phạm). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2016, án phí nộp ngày 25/2/2013. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/9/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Lê Văn N, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. chị Thị D, sinh năm 1992 (vắng)

Địa chỉ: B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Dương Sỹ L, sinh năm: 1994 (vắng)

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Đặng Duy Đ, sinh năm: 1985 (vắng)

Địa chỉ: Khu Đ, TTr Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

+ Điều P, sinh năm 1966 (vắng)

Địa chỉ: B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h ngày 28/3/2019, Đỗ Ngọc H đem theo 01 kim sắt rồi điều khiển xe mô tô hiệu Sirius của Huy chở Đỗ Xuân C đi từ hướng thôn 8, xã M đến thôn 7, xã B để coi cây nhưng không được, nên cả hai đi về. Trên đường về ngang qua nhà anh Lê Văn N cùng thôn 7, xã B thấy không có ai ở nhà nên H quay xe lại dừng trước cổng hỏi C “Nhà có ai không” ? C nói: “Nhà không có ai nhưng có khóa cửa”. H bảo “Mày đứng ngoài để tao vào phá cửa”. Nói xong, H cầm kim sắt mang theo đi vào cắt khóa cửa chính vào trong nhà lấy 01 vòng vàng đeo tay phụ nữ, 01 điện thoại Sam sung rồi quay ra ngoài gọi C vào lấy 01 ti vi hiệu LG 42 in, còn H dẫn xe mô tô biển số: 60B1 - 116.26 ra ngoài đi về hướng nhà kho và H dùng kim cắt khóa cửa nhà kho, cắt xong H và C vào kho khiêng 02 bao tiêu khô để lên xe vừa trộm cắp được. C chở tiêu, H chở ti vi đi ra hướng ngã ba “Tình Nghĩa” thuộc thôn 2, xã B rồi chạy ra Quốc Lộ 14 hướng về thành phố Đ. Khi đến xã Đ C bán tiêu cho một người không rõ nhân thân lai lịch được 4.900.000đ. Còn H chạy xe đem tivi giấu vào lô cao su bên đường thuộc xã M. H và C chạy xe mô tô biển số: 60B1 - 116.26 xuống cầu 2, thành phố Đ bán cho một người tên T được 3.500.000đ, bán vòng vàng được 2.000.000đ. Bán xong, H và C đi về, trên đường về H chỉ cho C chỗ giấu ti vi, nên C lấy ti vi mang bán cho một người tên T được 3.000.000đ. Còn chiếc điện thoại di động H cho Dương Sỹ L, ngụ tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu hồi trả cho bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐG ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định tại thời điểm xảy ra tội phạm (ngày 28/3/2019): 01 xe mô tô biển số: 60B1 - 116.26; 3,5 chỉ vàng 18k; 02 bao tiêu khô; 01 tivi hiệu LG; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 có giá trị là 29.550.000đ.

Ngoài ra, Đỗ Xuân C còn khai nhận vào ngày 28/9/2019 C còn thực hiện vụ Trộm cắp tài sản tại địa bàn xã Q, huyện T, tỉnh Đ, cụ thể như sau: Sáng ngày 27/9/2019, C rủ Linh Thị H, sinh năm 1987 đi chơi ở “Trảng cỏ” thuộc xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. C điều khiển xe mô tô BS: 93B7 - 4082 của H chở H đi chơi đến 23 giờ cùng ngày thì cả hai đi về hướng xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thuê phòng ngủ đến sáng ngày 28/9/2019 C chở H đi vào hướng xã Q, huyện T. Trên đường đi C nói cho H biết ý định đi vào xã Quảng Trục để tìm xe mô tô lấy trộm. H can ngăn nhưng C không nghe nên khi đi đến ngã ba gần trung tâm xã Q thì C dừng xe đưa xe cho H. H chạy xe mô tô về hướng thôn 5, xã Q để xem đất rẫy, còn C đi bộ đến ngã tư “Lộc Ninh” xã Q C thấy 01 chiếc xe mô tô biển số: 48K1 - 104.68 của chị Thị D đang dựng phía ở rẫy không có người trông coi, nên C dùng “vam” đem theo phá khóa dắt xe ra đường nổ máy chạy về hướng vườn Quốc Gia B thì bị Công an xã B bắt giữ người cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy Đức xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số: 48K1 - 104.68 tại thời điểm mất trộm cắp (ngày 28/9/2019) có giá trị là 14.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 01/CTr-VKS ngày 11/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù truy tố bị cáo Đỗ Xuân C về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Truy tố bị cáo Đỗ Ngọc H về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân C về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Truy tố bị cáo Đỗ Ngọc H về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

+Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân C 03 đến 04 năm tù.

+Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc H 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số 40/2019/HSST, ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Đỗ Ngọc H.

- Đối với Dương Sĩ L khi được bị cáo Đỗ Ngọc H cho 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 để sử dụng, nhưng Lâm không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Linh Thị H cho bị cáo Đỗ Xuân C đi cùng xe, tuy nhiên H không tham gia và không biết C trộm cắp tài sản, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với người mua tiêu, người tên T mua xe, mua vàng, người tên T mua ti vi do H và C trộm cắp được nhưng không rõ nhân thân lý lịch, nên không có căn cứ xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị hại Lê Văn N và bị cáo Đỗ Ngọc H, Đỗ Xuân C. Buộc bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho anh N số tiền 14.025.000đ. Buộc bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường cho anh N số tiền 14.025.000đ.

- Về vật chứng vụ án: + 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho bị hại Lê Văn N nên không xem xét.

+ 01 kim cắt sắt và 01 xe mô tô các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, bị cáo làm mất nên không thu hồi được, không xem xét.

+ 02 bao tiêu bị cáo C khai bán tại địa bàn xã Đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng đã trích xuất bị cáo để xác định địa điểm bán tiêu nhưng không xác định được, không xem xét.

+ 01 ti vi LG, 01 xe mô tô hiệu Wave RSX và 3,5 chỉ vàng 18k không thu hồi được, không xem xét.

+ 01 xe mô tô biển số: 48K1 - 104.68 Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không xem xét.

- Về án phí: Buộc các bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Xuân C và Đỗ Ngọc H khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13h ngày 28/3/2019, Đỗ Ngọc H đem theo 01 kim sắt rồi điều khiển xe mô tô hiệu Sirius của Huy chở Đỗ Xuân C đi đến nhà anh Lê Văn N thôn 7, xã B. C và H đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn N gồm: 01 vòng vàng đeo tay

phụ nữ, 01 điện thoại Sam sung ; 01 ti vi hiệu LG 42 in, 01 xe mô tô biển số: 60B1 - 116.26; 02 bao tiêu khô.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐG ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định tại thời điểm xảy ra tội phạm (ngày 28/3/2019): 01 xe mô tô biển số: 60B1 - 116.26; 3,5 chỉ vàng 18k; 02 bao tiêu khô; 01 tivi hiệu LG; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 có giá trị tổng cộng là 29.550.000đ.

Ngoài ra, bị cáo Đỗ Xuân C còn khai nhận: vào ngày 28/9/2019, bị cáo C còn thực hiện vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, cụ thể bị cáo C đem theo “vạm” phá khóa, lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Thị D là 01 chiếc xe mô tô biển số: 48K1 - 104.68.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số: 48K1 - 104.68 tại thời điểm mất trộm cắp (ngày 28/9/2019) có giá trị là 14.000.000đ.

Bị cáo C đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của Đỗ Xuân C đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Hành vi của Đỗ Ngọc H đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác; Làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Xét về vai trò các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Đỗ Xuân C đồng phạm với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội lén lút chiếm đoạt tài sản của những người bị hại anh Lê Văn N.

Ngoài ra, bản thân bị cáo còn trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Thị D.

[3.2] Đối với bị cáo Đỗ Ngọc H đồng phạm với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại anh Lê Văn N.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Đối với bị cáo Đỗ Xuân C:

Bị cáo Đỗ Xuân C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần (ngày 28/3/2019 trộm cắp tài sản của anh N; Ngày 28/9/2019 trộm cắp tài sản của bà D). Do đó bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Xuân C đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; Do đó, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

[4.2] Đối với bị cáo Đỗ Ngọc H:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Ngọc H đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; Do đó, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

Bản thân bị cáo chưa được xóa án tích lại phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Sau khi cân nhắc xem xét vai trò phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa những lỗi lầm của mình và trở thành những người có ích cho xã hội.

[5] - Đối với Dương Sĩ L khi được bị cáo Đỗ Ngọc H cho 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 để sử dụng, nhưng Lâm không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Linh Thị H cho bị cáo Đỗ Xuân C đi cùng xe, tuy nhiên H không tham gia và không biết C trộm cắp tài sản, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với người mua tiêu, người tên T mua xe, mua vàng, người tên T mua ti vi do H và C trộm cắp được nhưng không rõ nhân thân lý lịch, nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh N và bị cáo H, C thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại anh N là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Buộc bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường cho anh N số tiền 14.025.000đ; Bị cáo H bồi thường cho anh N số tiền 14.025.000đ.

Người chị hại chị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: + 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho bị hại Lê Văn N nên không xem xét.

+ 01 kìm cắt sắt và 01 xe mô tô các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, bị cáo làm mất nên không thu hồi được, nên không xem xét.

+ 02 bao tiêu bị cáo C khai bán tại địa bàn xã Đ. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trích xuất bị cáo để xác định địa điểm bán tiêu nhưng không xác định được nên không xem xét.

+ 01 ti vi LG, 01 xe mô tô hiệu Wave RSX và 3,5 chỉ vàng 18k không thu hồi được nên không xem xét.

+ 01 xe mô tô biển số: 48K1 - 104.68 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tuy Đức đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

[8] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân C phạm “ Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Đỗ Ngọc H phạm “ Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân C 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2019, quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc H 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 40/2019/HSST, ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo Đỗ Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Văn N số tiền 14.025.000đ. Buộc bị cáo Đỗ Xuân C phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Văn N số tiền 14.025.000đ.

3. Về vật chứng vụ án: - 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho người bị hại Lê Văn N; 01 xe mô tô biển số: 48K1 - 104.68 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tuy Đức đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

- 01 kìm cắt sắt và 01 xe mô tô các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, bị cáo làm mất, không thu hồi được; 02 bao tiêu, 01 ti vi LG, 01 xe mô tô hiệu Wave RSX và 3,5 chỉ vàng 18k không thu hồi được nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đỗ Xuân C và Đỗ Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 701.250đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà

